

Bản án số: 46/2021/DS - ST.

Ngày: 06 - 9 - 2021.

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Bảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trà Minh Châu;

Bà Trần Thúy Kiều.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Hiệp Văn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:* Bà Dương Thị Ngọc Bích - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 220/2020/TLST-DS ngày 30/11/2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 92/2021/QĐXXST - DS, ngày 09 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng C; địa chỉ: Số x, Phố L, phường H, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp: Ông Phạm Thế K – Phó Giám đốc phòng giao dịch Ngân hàng C huyện L; địa chỉ: Ấp X, thị trấn L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng là người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn “Giấy ủy quyền ngày 28/9/2021” (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1969 và ông Trần Văn U, sinh năm 1972; cùng địa chỉ: Ấp Phụng Tường 2, xã Song Phụng, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện lập ngày 21/9/2020, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 20/6/2010, bà Nguyễn Thị T, ông Trần Văn U có làm giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay để vay của Ngân hàng C (gọi tắt là: Ngân hàng) số tiền 12.000.000 đồng theo chương trình vay hộ nghèo. Mục

đích vay: chăn nuôi heo. Thời hạn vay 60 tháng, kỳ hạn trả nợ 06 tháng một lần. Lãi suất 0,65%/tháng, lãi suất nợ quá hạn là 130% lãi suất khi cho vay. Đến ngày 25/7/2010 được Ngân hàng phê duyệt và giải ngân vào ngày 09/8/2010 với số tiền là 12.000.000đồng và xác định hạn trả nợ cuối cùng là ngày 27/7/2015, bà T và ông U đã nhận đủ số tiền trên. Sau đó đến ngày 11/6/2014 Ngân hàng đã tiến hành khoan nợ đối với khoản vay này của bà T, ông U theo Quyết định số 892/QĐ-TTg ngày 11/6/2014 của Thủ tướng Chính phủ đến hết ngày 11/6/2019. Tuy nhiên, từ ngày 11/6/2019 đến nay bà T và ông U không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng, Ngân hàng đã chuyển sang nợ quá hạn và nhiều lần yêu cầu bà T, ông U thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng bà T và ông U không thực hiện.

Tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Nguyễn Thị T và ông Trần Văn U phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ với tổng số tiền còn nợ đã quá hạn tính đến ngày 06/9/2021 là 14.136.202 đồng (gốc: 12.000.000 đồng, lãi 2.136.202 đồng) và lãi phát sinh theo hợp đồng cho đến khi trả hết nợ gốc.

- *Tại biên bản lấy lời khai đương sự ngày 10 tháng 12 năm 2020 bị đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:* Thống nhất theo nội dung khởi kiện của nguyên đơn về việc bà và chồng là ông Trần Văn U có làm giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay để vay của Ngân hàng số tiền 12.0000.000đồng, đến nay vẫn chưa trả nợ vay gốc và lãi phát sinh. Đối với số tiền nợ này bà đồng ý bà và chồng là ông Trần Văn U cùng có trách nhiệm trả cho Ngân hàng, tuy nhiên hiện nay hoàn cảnh bà đang gặp khó khăn về vấn đề kinh tế nên bà xin được trả dần số tiền gốc và lãi phát sinh cho Ngân hàng với phương thức mỗi tháng trả một lần số tiền 800.000đồng (Tám trăm nghìn đồng) cho đến khi hết nợ.

Đối với bị đơn ông Trần Văn U: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án cho ông U, nhưng bà ông không có ý kiến phản đối gì. Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông U hai lần để tham gia tố tụng tại phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông vẫn vắng mặt không lý do. Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông U để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không cung cấp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- *Tại phiên tòa, Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú tham gia phiên tòa trình bày ý kiến:* Việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và xác định tư cách của người tham gia tố tụng trong vụ án là đúng quy định của pháp luật; Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra các chứng cứ và kết quả tranh luận tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 107, 471, 474 của Bộ luật dân sự năm

2005; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 tuyên xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Từ sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án cho ông Trần Văn U, nhưng ông U không có ý kiến phản đối gì. Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông hai lần để tham gia tố tụng tại phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Thị T và ông Trần Văn U đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn tại phiên tòa.

[2]. Về yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C buộc bị đơn có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng số tiền vay gốc là 12.000.000đồng: Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, Ngân hàng có cung cấp cho Tòa án giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay của bà Nguyễn Thị T, ông Trần Văn U, kèm sổ lưu từ rời theo dõi nợ vay – thu nợ - dư nợ được giải ngân vào ngày 09/8/2010, mã món vay: 6000006200141864 bà T là người vay, ông U là người thừa kế thì tại mục người vay có chữ ký tên Nguyễn Thị T và mục người thừa kế có chữ ký tên Trần Văn U và các giấy tờ khác có liên quan. Xét thấy việc ký kết giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay giữa bà Nguyễn Thị T và chồng là ông Trần Văn U với Ngân hàng để vay số tiền 12.000.000đồng, dựa trên sổ lưu từ rời theo dõi nợ vay – thu nợ - dư nợ được giải ngân vào ngày 09/8/2010 là hoàn toàn tự nguyện. Tại thời điểm ký kết, các bên tham gia ký kết hợp đồng có đủ thẩm quyền và năng lực giao kết hợp đồng. Hợp đồng đảm bảo về mặt hình thức và nội dung, không trái pháp luật, đạo đức xã hội nên có hiệu lực pháp luật. Trong quá trình giải quyết, bị đơn bà Nguyễn Thị T thừa nhận việc bà và ông Trần Văn U là vợ chồng, bà là người vay, ông U là người thừa kế để thực hiện thủ tục vay vốn của Ngân hàng để vay số tiền 12.000.000đồng, đến nay vẫn chưa trả cho Ngân hàng. Đối với số tiền nợ này bà đồng ý bà và ông U cùng có trách nhiệm trả cho Ngân hàng. Đối với bị đơn ông Trần Văn U trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt các tài liệu, chứng cứ mà bên nguyên đơn cung cấp và thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho ông U nhưng ông không có ý kiến phản đối gì. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự thì những tình tiết nêu trên không phải chứng minh nên đủ cơ sở xác định bà Nguyễn Thị T và ông Trần Văn U có thực hiện việc vay vốn của Ngân hàng C số tiền 12.000.000đồng là có thật. Mặc dù bà T là người trực tiếp đứng tên người vay nhưng ông Trần Văn U là chồng bà T, là thành viên của hộ, việc vay vốn của Ngân hàng chính sách mục đích phát triển kinh tế cho hộ gia đình, vì lợi ích chung của hộ. Căn cứ quy định tại Điều 107 Bộ luật dân sự năm 2005 *“Giao dịch dân sự do người đại diện của hộ gia đình xác lập, thực hiện vì lợi ích chung của hộ làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của cả hộ gia đình”*. Vì vậy, bà Nguyễn Thị T và ông Trần Văn U phải cùng có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng C. Do đó, Ngân hàng C yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị T và ông Trần Văn U phải trả nợ số tiền gốc 12.000.000đồng là có căn cứ, phù hợp theo

quy định tại khoản 1 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 290, Điều 471, Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Đối với việc bị đơn bà Nguyễn Thị T yêu cầu được trả dần số tiền nợ với phương thức một tháng trả một lần với số tiền là 800.000đồng cho đến khi hết nợ cho Ngân hàng. Tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của Nguyên đơn không đồng ý và yêu cầu bị đơn trả đủ một lần số tiền nợ này nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét.

[4]. Về lãi suất: Tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn buộc bị đơn có nghĩa vụ trả số tiền lãi còn nợ từ ngày 11/6/2019 đến ngày 06/9/2021 là 2.136.202đồng. Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay giữa bà Nguyễn Thị T và chồng là ông Trần Văn U với Ngân hàng để vay số tiền 12.000.000đồng, dựa trên sổ lưu từ rời theo dõi nợ vay – thu nợ - dư nợ được giải ngân vào ngày 09/8/2010 xác định lãi suất cho vay trong hạn là 0,65%/tháng và lãi suất quá hạn là 0,85%/tháng. Lãi suất do các bên thỏa thuận là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010. Mặt khác, theo bảng kê tính lãi hộ Nguyễn Thị T đến ngày 06/9/2021 của nguyên đơn cung cấp thì sau khi vay bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn tiền lãi tính đến ngày 06/9/2021 là 4.186.570đồng, số tiền lãi còn nợ là 2.136.202đồng. Do vậy, việc bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả tiếp dư nợ gốc và lãi theo giao kết trong hợp đồng đã vi phạm hợp đồng cho vay mà các bên đã ký kết, bị đơn là người có lỗi và là người vi phạm hợp đồng nên phải chịu mọi hậu quả theo giao kết và theo quy định của pháp luật. Như vậy, bị đơn phải hoàn trả cho Ngân hàng số tiền lãi theo giao kết trong hợp đồng tạm tính đến ngày 06/9/2021 là 2.136.202đồng và tiền lãi quá hạn của số nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi trả xong nợ gốc là có căn cứ, phù hợp với nội dung Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao nêu rõ nội dung áp dụng án lệ về xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những phân tích trên, bị đơn bà Nguyễn Thị T và ông Trần Văn U phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng C với tổng số tiền tính đến ngày 06/9/2021 là 14.136.202đồng (Mười bốn triệu một trăm ba mươi sáu nghìn hai trăm lẻ hai đồng), trong đó số tiền vay gốc là 12.000.000đồng (Mười hai triệu đồng), tiền lãi là 2.136.202đồng (Hai triệu một trăm ba mươi sáu nghìn hai trăm lẻ hai đồng). Kể từ ngày 07/9/2021, bà T và ông U còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán của khoản vay, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bà T và ông U phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

[5] Từ những phân tích nêu trên, xét đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị đơn bà Nguyễn Thị T và ông Trần Văn U phải chịu 706.810 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 106, 107, 280, 285, 290, 471 và 474 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C: Buộc bà Nguyễn Thị T và ông Trần Văn U có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng C dư nợ tính đến ngày 06/9/2021 với số tiền vay gốc là 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng), tiền lãi là 2.136.202 đồng (Hai triệu một trăm ba mươi sáu nghìn hai trăm lẻ hai đồng), tổng cộng là 14.136.202 đồng (Mười bốn triệu một trăm ba mươi sáu nghìn hai trăm lẻ hai đồng).

“Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay”.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị T và ông Trần Văn U phải chịu là 706.810 đồng (Bảy trăm lẻ sáu nghìn tám trăm mười đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền giao kết thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật

thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng (P Kiểm tra nghiệp vụ và Thi hành án);
- VKSND huyện Long Phú;
- Chi cục THADS huyện Long Phú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Hoàng Bảo